BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam

Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1117/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Khoa Ngoại ngữ	
Trang thông tin điện tử của Khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-ngoai-ngu	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7220101	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	03	0	0	3	
2	Phó giáo sư	07	01	0	8	
3	Tiến sĩ	10	01	0	11	
4	Thạc sĩ	35	03	02	43	
5	Cử nhân	01	0	01	01	
TỔNG CỘNG		**61**	**05**	**0**	**66**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên dạy môn Tiếng Việt tại các trường phổ thông quốc tế, trung tâm đào tạo Tiếng Việt như một ngoại ngữ;
- Biên tập viên (nhà xuất bản, tòa soạn, đài truyền hình), phóng viên…;
- Chuyên viên PR, chuyên viên xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung (copywriter) trong các đơn vị PR, truyền thông, quảng cáo, tổ chức sự kiện;
- Nhân viên các phòng ban có liên quan đến văn hóa;
- Nhân viên, thuyết minh tại các Viện bảo tàng;
- Giảng viên tại các Trường Đại học và Cao đẳng có liên quan đến đào tạo tiếng Việt và văn hóa Việt Nam;
- Nhân viên văn phòng của các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan tổ chức nước ngoài ở Việt Nam…

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, đề cao vai trò chủ thể trong hành trình khám phá tri thức và phát triển nhân cách. Nhà trường kiến tạo một môi trường học thuật mở, nuôi dưỡng tinh thần tự học, tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời khuyến khích ứng dụng tri thức vào thực tiễn để phục vụ cộng đồng. Trên nền tảng các giá trị văn hóa Á Đông và bản sắc dân tộc, kết hợp tinh hoa tri thức nhân loại, Trường Đại học Phương Đông hướng tới đào tạo những công dân toàn cầu – nhân văn, bản lĩnh, tri thức, có trách nhiệm xã hội và khát vọng phụng sự; sẵn sàng thích ứng với đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước và thế giới **Chiến lược dạy - học của ngành đào tạo**: Người học chủ động và thông qua trải nghiệm
4b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam trang bị cho người học những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về lĩnh vực Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và các lĩnh vực liên ngành như: giảng dạy Việt ngữ học, liên ngành truyền thông, văn hóa và du lịch; giúp người học rèn luyện phẩm chất đạo đức, thể hiện giá trị ưu việt của bản thân góp phần phát triển giá trị tốt đẹp của cộng đồng; giúp người học rèn luyện năng lực nghề nghiệp đáp ứng xu hướng nghề nghiệp trong trong môi trường quốc tế, đa văn hóa.
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:	
PLO 1	**Áp dụng** kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật và khoa học xã hội, năng lực số và chuẩn dữ liệu theo quy định để giải thích/ định hướng các vấn đề trong lĩnh vực đào tạo
PLO 2	**Phân tích** được kiến thức khoa học xã hội vào các hoạt động chuyên môn.
PLO 3	**Vận dụng** kiến thức chuyên ngành sâu để giải quyết hiệu quả các yêu cầu từ công việc có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.
PLO 4	**Phân tích** được các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực được đào tạo để giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ trong vai trò là thành viên hoặc lãnh đạo của tổ chức.
Kỹ năng:	
PLO 5	**Thiết kế** được nội dung chương trình/ đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực tiếng Việt và văn hóa Việt Nam đáp ứng nhu cầu xã hội và sự phát triển của ngành

PLO 6	**Sử dụng** hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp thuyết trình, tư duy phản biện trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề được đào tạo.
PLO 7	**Sử dụng** hiệu quả các công cụ công nghệ thông tin, phần mềm AI trong học tập và công việc.
PLO 8	**Sử dụng** được tiếng Anh trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề được đào tạo.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	**Thể hiện** tinh thần trách nhiệm, tư duy phản biện, sáng tạo, ý tưởng khởi nghiệp; đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bản thân và nghề nghiệp.
PLO 10	**Thể hiện** phẩm chất đạo đức, thái độ tuân thủ pháp luật; lối sống lành mạnh tích cực, ý thức trách nhiệm và lòng nhân ái đối với cộng đồng và xã hội, ý thức học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, thích nghi và đáp ứng nhiệm vụ nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước:

  ✓ Trường Đại học Ngoại ngữ– ĐHQG Hà Nội
  ✓ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
  ✓ Trường Đại học Hà Nội

  + Nước ngoài:

  ✓ Trường Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc)
  ✓ Trường Đại học Ngoại ngữ Kanda (Nhật Bản)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 130 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	VNS710002	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	30	0			BB	Không		
2	1	VNS721009	Tiếng Việt thực hành	3	45	45	0			BB	Không		
3	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	60	0	60			BB	Không		
4	1	TED721004	Kỹ năng học tập đại học	3	45	45	0			BB	Không		
5	2	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30	0			BB	Không		
6	2	FOS710001	Anh văn 1	3	45	45	0			BB	Không		
7	2	ITE710002	Khám phá AI	2	60	0	60			BB	Kỹ năng số		
8	2	VNS721011	Tục ngữ ca dao Việt Nam	3	45	45	0			BB	Không		
9	2		***Nhóm tự chọn 1-4/6TC***	***4***	***60***	***60***	***0***			TC	Không		
10	3	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0			BB	Không		
11	3	FOS710002	Anh văn 2	3	45	45	0			BB	Anh văn 1		
12	3	JMC710003	Kỹ năng thuyết trình và đàm phán	2	30	30	0			BB	Không		
13	3	VNS721002	Lịch sử Việt Nam giản lược	3	45	45	0			BB	Không		
14	3	VNS721003	Tôn giáo Việt Nam	3	45	45	0			BB	Không		
15	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	30	0			BB	Triết học		
16	3	VNS721001	Ngôn ngữ và văn hóa	3	45	45	0			BB	Không		
17	4	FOS710003	Anh văn 3	3	45	45	0			BB	Anh văn 2		
18	4	VNS721008	Du lịch Việt Nam	3	45	45	0			BB	Không		
19	4	VNS731003	Ngữ pháp tiếng Việt	3	45	45	0			BB	Không		
20	4	SPO76000	**Giáo dục thể chất**	**3**						BB			
21	5	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0			BB	KTCT MLN		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
22	5	FOS710004	Anh văn 4	3	45	45	0			BB	Anh văn 3		
23	5	VNS721012	Văn hóa đối ngoại	3	45	45	0			BB	Không		
24	5	MIL760001	**Giáo dục quốc phòng & an ninh**	**11**						BB			
25	6	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0			BB	CNXHKH		
26	6	FOS710005	Anh văn 5	3	45	45	0			BB	Anh văn 4		
27	6	VNS741001	Thực tập thực tế	4	105	15	90			BB	Không		
28	6	VNS721013	Văn hóa và Phát triển du lịch cộng đồng	3	45	45	0			BB	Không		
29	7	POL710005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0			BB	TT HCM		
30	7	VNS710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ	2	30	30	0			BB	Không		
31	7	VNS721010	Địa lý Việt Nam	3	45	45	0			BB	Không		
32	7	VNS731004	Ngữ nghĩa học tiếng Việt	3	45	45	0			BB	Không		
33	7	FOS710006	Khởi nghiệp	3	45	45	0			BB	Không		
34	7		***Nhóm tự chọn 2-3/6TC***	***3***	***45***	***45***	0			TC	Không		
35	8	JMC731007	Báo chí đa phương tiện	3	60	30	30			BB	Không		
36	8	VNS731008	Phong tục tập quán Việt Nam	3	45	45	0			BB	Không		
37	8	VNS731011	Doanh nghiệp - Văn hóa và truyền thông	3	45	45	0			BB	Không		
38	8		***Kiến thức bổ trợ chuyên ngành (NTC3-6/12TC)***	***6***	***180***	***180***	0			TC	Không		
39	9	VNS731001	Văn hóa du lịch	3	45	0	0			BB	Không		
40	9	VNS731002	Lịch sử tiếng Việt	3	45	0	0			BB	Không		
41	9	VNS731009	Đặc trưng văn hóa vùng miền Việt Nam	3	45	0	0			BB	Không		
42	9	VNS731010	Văn hóa ứng xử của người Việt	3	45	0	0			BB	Không		
43	9	VNS731012	Tổ chức sự kiện	3	60	30	30			BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
44	10	VNS741002	Thực tập tốt nghiệp	**4**	15	90				BB	Không		
45	10	VNS751001	Khóa luận tốt nghiệp (**)	**8**						BB	Không		
46	10	VNS771001	Thiết kế bài giảng tiếng Việt cho người nước (**)ngoài	(**)	75	45	30			Thay thế KLTN	Không		
47	10	VNS771002	Thiết kế chương trình trải nghiệm văn hóa Việt Nam	(**)	75	45	30			Thay thế KLTN	Không		

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	**Triết học Mác – Lênin** là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần **Kinh tế chính trị Mác - Lênin** cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần **Chủ nghĩa xã hội khoa học** là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề : sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	**Tư tưởng Hồ Chí Minh** là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh ; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh ; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	**Pháp luật đại cương** là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật ; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Học phần **Cơ sở văn hóa Việt Nam** cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cốt lõi về văn hóa Việt Nam. *Ở cấp độ cơ bản*, sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về văn hóa Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử. *Ở cấp độ nâng cao*, sinh viên hiểu rõ về cấu trúc văn hóa Việt Nam, sự hình thành hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán… của dân tộc Việt Nam ở các vùng miền khác nhau; hiểu được sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hóa của các dân tộc anh em trên cùng lãnh thổ Việt Nam. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên có kiến thức và kỹ năng để hiểu rõ về văn hoá lịch sử, văn hoá địa phương, nghiên cứu văn hóa và các học phần liên văn hóa… hiệu quả hơn.
8	Anh văn 1	3	**Anh văn 1** (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
9	Anh văn 2	3	**Anh văn 2** (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
10	Anh văn 3	3	**Anh văn 3** (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói –

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
11	Anh văn 4	3	**Anh văn 4** (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
12	Anh văn 5	3	**Anh văn 5** (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
13	Khám phá AI	2	Học phần **Khám phá AI** củng cố và phát triển năng lực số của sinh viên trên nền tảng học phần "Kỹ năng số", giúp sinh viên vận dụng kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh để tương tác, kiểm chứng và sử dụng AI trong học tập, công việc và phát triển sản phẩm số. Thông qua các nhiệm vụ thực hành, hoạt động e-learning có hướng dẫn và portfolio học tập, sinh viên áp dụng kỹ thuật prompting, phân tích đầu ra AI, nhận diện khả năng, giới hạn và rủi ro của AI, đồng thời phát triển năng lực kiểm chứng thông tin, tư duy phản biện và phản tư về quá trình sử dụng AI. Học phần cũng hướng đến việc hình thành thái độ sử dụng AI có trách nhiệm, tuân thủ liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và Quy định sử dụng Trí tuệ nhân tạo trong hoạt động học thuật tại Trường Đại học Văn Lang.
14	Kỹ năng số	2	Học phần **Kỹ năng số** trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong khai thác, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin trên môi trường số; giao tiếp, hợp tác và làm việc trực tuyến. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) để sáng tạo nội dung, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày tài liệu và hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về an toàn, bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bản quyền, đạo đức và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.
15	Khởi nghiệp	3	Học phần **Khởi nghiệp** cung cấp bức tranh toàn cảnh về hành trình biến ý tưởng thành dự án thực tế thông qua việc tích hợp hai phương pháp luận cốt lõi là Design Thinking và Lean Startup. Môn học bắt đầu bằng tư duy Design Thinking để thấu hiểu người dùng và sáng tạo giải pháp, sau đó áp dụng Lean Startup nhằm xây dựng sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP), thử nghiệm thị trường và cải tiến liên tục. Sinh viên tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh (BMC), lập kế hoạch tài chính, quản trị rủi ro và đặc biệt là rèn luyện kỹ năng trình bày dự án

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			(pitching) chuyên nghiệp để thuyết phục nhà đầu tư. Học phần còn chú trọng kỹ năng truyền tải câu chuyện sản phẩm (storytelling), thiết kế slide gọi vốn thu hút và phản biện linh hoạt trước các chuyên gia. Tất cả được đúc kết qua dự án thực hành, giúp người học vừa nắm vững tư duy vận hành linh hoạt, vừa tự tin khởi nghiệp thành công.
16	Kỹ năng thuyết trình và đàm phán	2	Học phần **Kỹ năng thuyết trình và đàm phán** là một trong những học phần thuộc kỹ năng giao tiếp trong công việc. Học phần kết cấu gồm 6 chương cung cấp các nội dung cơ bản về giao tiếp nói chung, Tổng quan về thuyết trình. Nghệ thuật thu hút sự chú ý của người nghe.Học phần còn cung cấp cho sinh viên lý thuyết cơ bản liên quan tới hoạt động đàm phán trong kinh doanh: Khái niệm đàm phán; Các yếu tố hưởng đến quá trình đàm phán; Các kiểu đàm phán; Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh; Đàm phán kinh doanh đối tác quốc tế.
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ	2	Học phần **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về các phương pháp nghiên cứu khoa học. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các khái niệm cốt lõi về cách thức tiếng hành một nghiên cứu. Ở cấp độ nâng cao, học phần tập trung vào kỹ năng cơ bản để vận dụng trong việc phát triển nhận thức khoa học về thế giới, góp phần thực hiện các kỹ năng nghề chuyên sâu trong lĩnh vực, chuyên môn được đào tạo. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển năng lực thể vận dụng hệ thống lý thuyết đã học để tiếp cận, trình bày các nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến ngành học một cách logic và chuyên nghiệp. Học phần chú trọng bồi dưỡng hình thành năng lực nghiên cứu, tự học, sáng tạo, chủ động và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
18	Lịch sử Việt Nam giản lược	3	Học phần **Lịch sử Việt Nam giản lược** cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và toàn diện về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời kỳ hiện đại. Môn học giúp sinh viên nắm được các giai đoạn lịch sử quan

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			trọng, các sự kiện tiêu biểu, các nhân vật lịch sử nổi bật, và những đặc điểm phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội qua từng thời kỳ lịch sử. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nhận định đúng các vấn đề liên quan đến lịch sử dân tộc và các vấn đề thời sự của đất nước hiện nay. Thông qua môn học, sinh viên nắm được những đặc điểm nổi bật của từng thời kỳ, hiểu rõ vai trò của lịch sử trong quá trình hình thành bản sắc văn hóa và con người Việt Nam, từ đó có nền tảng để tiếp cận các lĩnh vực khác của Việt Nam học như văn hóa, chính trị, xã hội và đối ngoại; đồng thời hướng đến việc cung cấp hoàn thiện những giá trị văn hóa Việt trong mỗi công dân trẻ.
19	Tôn giáo Việt Nam	3	Nội dung của học phần **Tôn giáo Việt Nam** bao gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tín ngưỡng, tôn giáo, những lý thuyết, lý luận chung về các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Học phần cung cấp thông tin và kiến thức về lý thuyết, khái niệm, quan niệm về tín ngưỡng và tôn giáo, những vấn đề lý luận về các tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, những vấn đề cơ bản về các tôn giáo quan trọng ở Việt Nam bao gồm Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Cơ Đốc giáo (bao gồm cả Công giáo và đạo Tin Lành), Hồi giáo, các tôn giáo hình thành ở Việt Nam (đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Bửu Sơn Kỳ hương, Tứ Ân hiếu nghĩa, Tịnh độ cư sĩ Phật hội…) và các tín ngưỡng tiêu biểu ở Việt Nam (thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu, phồn thực, thờ cúng tổ tiên…). Học phần cũng cung cấp những kiến thức và lý thuyết cơ bản về lịch sử hình thành, du nhập, nội dung cơ bản, quá trình phát triển, truyền bá và những ảnh hưởng của các tôn giáo và tín ngưỡng trong lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở đó, môn học cũng tổng kết những đặc trưng cơ bản của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam, từ đó làm rõ đặc điểm, giá trị, vai trò và ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			trong quá khứ, hiện tại và dự báo về triển vọng của tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam trong tương lai.
20	Văn hóa Đông Nam Á	3	Học phần **Văn hóa Đông Nam Á** thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT của ngành TV&VHVN. Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa Đông Nam Á, tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á từ thời kỳ tiền sử, sơ sử đến thời kỳ trung đại và cận hiện đại; những nét tương đồng và những nét đặc sắc của các nền văn hóa của mỗi quốc gia trong khu vực: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái lan, Myanmar, Malaysia, Singapore, Brunei, Indonesia, Philippines, Timor Leste.
21	Ngôn ngữ và văn hóa	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về **ngôn ngữ và văn hóa** phục vụ cho việc học ngoại ngữ. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các khái niệm cốt lõi về văn hóa của cộng đồng người đang sử dụng thứ tiếng mà mình đang học. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên có kỹ năng để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt về văn hóa của các dân tộc được thể hiện qua ngôn ngữ góp phần thực hiện các kỹ năng nghề chuyên sâu trong lĩnh vực, chuyên môn được đào tạo. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên vận dụng được môn học này như tri thức nền trong quá trình học ngoại ngữ để hình thành năng lực nghiên cứu, tự học, sáng tạo, chủ động và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
22	Kinh tế Việt Nam	2	Học phần **Kinh tế Việt Nam** cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử phát triển của nền kinh tế Việt Nam, từ đó bổ sung và làm sâu sắc thêm kiến thức cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học. Nội dung học phần gồm các khái niệm cơ bản về lịch sử kinh tế và quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Từ thời nguyên thủy qua thời phong kiến, đến thời Pháp thuộc, rồi thời nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Đối với mỗi giai đoạn phát triển cụ thể, học phần tập trung phân tích thực trạng lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, mô hình tổ chức sản xuất,

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			các chính sách kinh tế và sự biến động của các ngành kinh tế chủ yếu (từ săn bắt hái lượm đến nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải và tài chính tiền tệ. Học phần cũng nhấn mạnh vai trò của các nhân tố kinh tế trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn phát triển kinh tế của đất nước qua các thời kỳ.
23	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	Học phần **Hệ thống chính trị Việt Nam** cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản và có hệ thống về ản chất, chức năng, cấu trúc, cơ chế vân hành, đặc điểm của hệ thống chính trị Viêt Nam từ trong lịch sử đến hiện nay. Môn học gồm ba phần chia thành bảy chương: Phần 1. Nhập môn hệ thống chính trị Việt Nam gồm 2 chương; Phần 2. Tổng quan các bộ máy chính trị Việt Nam thời kỳ dựng nước đến năm 1884 và Phần 3. Hệ thống chính trị Việt Nam từ sau năm 1945 đến nay gồm 3 chương
24	Văn học hiện đại Việt Nam	2	Học phần **Văn học hiện đại Việt Nam** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn học Việt Nam, từ văn học dân gian đến văn học hiện đại, phục vụ cho chuyên ngành Việt Nam học. Trong đó, văn học dân gian là kho tàng tri thức vô giá của các dân tộc sinh sống ở Việt Nam. Tìm hiểu văn học dân gian chúng ta sẽ tiếp cận được đời sống văn hóa của người Việt. Văn học viết hình thành đã mở ra một bước phát triển mới cho văn học Việt Nam. Thành tựu của văn học viết đã giúp cho văn học Việt Nam có thể sánh ngang tầm với một số quốc gia trên thế giới. Văn học viết đã phản ánh sâu sắc nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Tìm hiểu văn học viết Việt Nam sẽ giúp nắm bắt được quá trình phát triển của xã hội và sự hình thành nhận thức tư duy của người Việt trong sự tương quan với văn học. Học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần trân trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong thời kì hội nhập sâu rộng hiện nay.

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
25	Du lịch Việt Nam	3	**Du lịch Việt Nam** là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT của ngành TV & VHVN. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các vấ đề trong lĩnh vực Du lịch nói chung và du lịch Việt Nam nói riêng. Môn học này gồm có 5 chương được sắp xếp đan xen nhau, có quan hệ chặt chẽ với tên gọi của học phần Du lịch Việt Nam. Học phần củng cố ở người học hệ thống kiến thức về các điểm du lịch ở Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có khả năng vận dụng để: xây dựng các bài thuyết minh hướng dẫn du lịch và các chương trình du lịch tại Việt Nam; tham gia vào các hoạt động có liên quan đế lữ hành, trải nghiệm khám phá văn hóa, ngon ngữ, đất nước và con người Việt Nam. Quan trọng hơn, các em cũng dần hình thành kỹ năng, phân tích, lên kế hoạch, khai thác và quản lý tài nguyên du lịch tại các điểm của du lịch Việt Nam trong tương lai.
26	Tiếng Việt thực hành	3	Học phần **Tiếng Việt thực hành** cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt phục vụ cho việc học ngôn ngữ. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên có khả năng hệ thống hóa được các nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt ở các cấp độ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và văn bản tiếng Việt hoàn chỉnh để sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo, tạo lập các văn bản thông thường. Ở cấp độ nâng cao, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phân loại và xử lý triệt để các lỗi dùng từ, lỗi câu và lỗi văn bản, biết viết tiểu luận. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên vận dụng được kiến thức và có kỹ năng để ứng dụng môn học này trong việc sửa ngọng hay dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cũng như học một ngôn ngữ khác hiệu quả hơn.
27	Địa lý Việt Nam	3	Học phần **Địa lý Việt Nam** cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của Địa lý Việt Nam như: lịch sử hình thành, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu... Hệ thống phân vị, hệ thống chỉ tiêu, phương pháp phân vùng du lịch ; Tài nguyên du lịch. Ngoài ra học phần cũng cung cấp những thông tin cơ

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			bản về các vùng du lịch Việt Nam như: điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các loại hình du lịch chủ yếu.
28	Tục ngữ ca dao Việt Nam	3	Học phần **"Tục ngữ ca dao Việt Nam"** là học phần bắt buộc trong CTĐT ngành TV& VHVN. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế thành 07 chương. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tục ngữ, ca dao Việt Nam (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu, các tiêu chí xác lập và phân loại, phương pháp, thủ pháp phân tích, tiếp cận vai trò của ngôn ngữ trong tác phẩm văn học dân gian). Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp phân tích các hướng tiếp cận khác nhau về tục ngữ, ca dao (theo hướng thi pháp học, phân tích diễn ngôn, tri nhận ngôn ngữ học, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học nhân học…); phân tích các thủ pháp ngôn ngữ trong tục ngữ, ca dao; phân tích mối quan hệ giữa từ địa phương và ngôn ngữ toàn dân qua tục ngữ, ca dao; phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ trong tục ngữ, ca dao.
29	Văn hóa đối ngoại	3	Học phần **Văn hóa đối ngoại** là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của ngành TV & VHVN. Đây là học phần cần thiết trong chương trình đào tạo nhằm cung cấp những hiểu biết, kỹ năng về nghiệp vụ trong công tác đối ngoại không chỉ dành riêng cho những người làm công tác ngoại giao mà còn cần đối với tất cả những nhân sự làm việc có yếu tố nước ngoài. Đây cũng là một phần của công việc văn phòng làm công tác đối ngoại. Học phần giúp người học hiểu các nguyên tắc, nghi lễ, nghi thức trong lễ tân ngoại giao và đối ngoại các cấp, đặc biệt là lễ tân cấp nội bộ quốc gia và lễ tân trong kinh doanh; vận dụng được kiến thức về lễ tân ngoại giao để giải quyết tình huống lễ tân đối ngoại cụ thể liên quan đến công việc chuyên môn.

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
30	Văn hóa và Phát triển du lịch cộng đồng	3	Học phần **Văn hóa và Phát triển du lịch cộng đồng** cung cấp kiến thức nền tảng về quan hệ giữa văn hóa bản địa và du lịch. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên học các khái niệm cốt lõi như: khái niệm văn hóa và du lịch cộng đồng; vai trò của cộng đồng địa phương; nhận diện tài nguyên di sản và vai trò của cộng đồng và di sản trong phát triển du lịch bền vững. Ở cấp độ nâng cao, học phần giúp sinh viên có kỹ năng phân tích kỹ năng đánh giá tác động văn hóa, phương pháp trao quyền cho người dân, quản trị xung đột lợi ích nhằm thực hiện sinh kế bền vững. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên tiếp cận xu hướng du lịch sáng tạo toàn cầu, ứng dụng chuyển đổi số và đề xuất giải pháp bảo tồn bản sắc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thiết kế dự án thực tế
31	Thực tập thực tế	4	Học phần **Thực tập thực tế** cung cấp cho sinh viên ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam những kiến thức thực tế về các lĩnh vực văn hóa, du lịch, ngôn ngữ, truyền thông... sau khi sinh viên đã được học các học phần thuộc cơ sở khối ngành như Văn hóa Việt Nam, Địa lý Việt Nam, Tôn giáo Việt Nam… Qua học này, sinh viên được trang bị các kỹ năng biết cách kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, biết cách vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp.
32	Văn hóa du lịch	3	Học phần **Văn hóa du lịch** là học phần thuộc khối kiến thức lựa chọn trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn hóa du lịch như: tài nguyên du lịch văn hoá; các loại hình du lịch văn hoá, các sản phẩm du lịch văn hoá... Học phần cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá của dân tộc, của nhân loại vào các hoạt động kinh doanh du lịch. Từ đó, sinh viên có thể hiểu rõ được tầm quan trọng của văn hoá và sự phát triển du lịch bền vững cũng như việc phát huy giá trị văn hoá dân tộc trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch.

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
33	Lịch sử tiếng Việt	3	**Lịch sử Tiếng Việt** cung cấp cho người học cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành và phát triển của tiếng Việt. Về cơ bản, học phần cung cấp kiến thức nền về nguồn gốc của tiếng Việt như: lịch sử hình thành, ngành nhóm, ngánh, họ loại hình ngôn ngữ… ở cấp độ nâng cao, dựa trên tư liệu ngôn ngữ và lịch sử - văn hóa được học, người học có thể hiểu rõ 6 giai đoạn phát triển của tiếng Việt. Từ một ngôn ngữ không có thanh điệu trở thành một ngôn ngữ có sáu thanh điệu là một quy luật phát triển không chỉ của tiếng Việt mà là một quy luật biến đổi ngôn ngữ quan trọng trong khu vực. Ở cấp độ mở rộng, trên cơ sở hiểu rõ lịch sử phát triển của tiếng Việt người học sẽ nắm bắt được giá trị thuần (pure) Nam Á, hiểu rõ về sự tiếp xúc vay mượn ngôn ngữ trong khu vực để tạo nên sự phát triển của mình để có kiến thức chủ động tiếp cận hai kiểu văn tự của tiếng Việt là chữ Nôm và chữ Quốc ngữ Latinh cũng như tiếp nhận các ngôn ngữ khác trong khu vực và trên thế giới.
34	Ngữ pháp tiếng Việt	3	Học phần **Ngữ pháp tiếng Việt** cung cấp những kiến thức nền tảng về ngữ pháp tiếng Việt. *Ở cấp độ cơ bản*, học phần trang bị cho người học kiến thức trọn vẹn về từ pháp như: đặc điểm của tiếng, từ ghép, đoản ngữ trong tiếng Việt. *Ở cấp độ nâng cao*, học phần cung cấp cho người học các kiến thức về lịch sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, các cấp độ nghiên cứu câu (trên ba bình diện kết học, nghĩa học, dụng học), để người học vận dụng được các kiến thức này phục vụ cho việc học ngôn ngữ, đặc biệt là phân tích được cú pháp của ngôn từ hiện tại. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên bước đầu biết vận dụng lí thuyết, áp dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu sự giống và khác nhau cơ bản giữa tiếng Việt và ngôn ngữ mới đồng thời có khả năng hệ thống hóa được các nội dung cơ bản khi nghiên cứu diễn ngôn tiếng Việt nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng.
35	Ngữ nghĩa học tiếng Việt	3	Học phần **Ngữ nghĩa học tiếng Việt** cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về ngữ nghĩa học trên cơ sở

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			những phân tích ví dụ của ngữ nghĩa tiếng Việt. Nội dung của học phần tập trung vào năm phần chính: Tổng quan về ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học, Ngữ nghĩa học từ vựng (nghĩa của từ), Ngữ nghĩa học ngữ pháp (nghĩa của câu và các phạm trù liên quan), Ngữ nghĩa học dụng pháp/ ngữ dụng (nghĩa của lời/ phát ngôn), và Các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu nghĩa. Đồng thời, học phần cũng bao gồm các nội dung rèn luyện kỹ năng phân tích miêu tả nghĩa của các đơn vị có nghĩa của ngôn ngữ nói chung và của tiếng Việt nói riêng.
36	Phong tục tập quán Việt Nam	3	Học phần **Phong tục tập quán Việt Nam** thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành TV&VHVN. Học phần này gồm các nội dung được biên soạn đan xen vào nhau theo nguyên tắc: khái quát về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về phong tục tập quán Việt Nam bao gồm: các mối quan hệ trong gia đình và xã hội, việc hiếu và việc hý, những điểm lành và một số điều kiêng ky, trò chơi dân gian và thú tiêu khiển, trang phục và ẩm thực, đời sống sản xuất, y học cổ truyền của người Việt. Người học được trang bị kỹ năng ứng xử phù hợp với văn hóa Việt Nam và vận dụng được kiến thức để học ở bậc học cao hơn thuộc chuyên ngành phù hợp. Ngoài ra, người học có thể vận dụng hệ thống lý thuyết đã học để tiếp cận, trình bày các vấn đề về các vấn đề liên quan đến TV&VHVN một cách logic và chuyên nghiệp. Đồng thời, học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tính sáng tạo, chủ động và cập nhật kiến thức và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
37	Đặc trưng văn hóa vùng miền Việt Nam	3	Học phần **Đặc trưng văn hóa vùng miền Việt Nam** là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của ngành TV & VHVN. Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa, vùng văn hóa, các lý thuyết về vùng văn hóa trên thế giới; sự phân vùng văn hóa ở Việt Nam;

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			các hiện tượng tiêu biểu của văn hóa Việt Nam. Từ đó, bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hoá mới
38	Văn hóa ứng xử của người Việt	3	Học phần **Văn hóa ứng xử của người Việt** là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của ngành TV & VHVN. Học phần này giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc và quy tắc ứng xử, ngôn ngữ giao tiếp trong văn hóa của người Việt. Từ đó, sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về các cách ứng xử và đặc trưng văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt Nam. Trong quá trình hội nhập, sinh viên sẽ biết cách giao tiếp, cách ứng xử phù hợp với truyền thống văn hóa của các nước để tránh sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp.
39	Doanh nghiệp - Văn hóa và truyền thông	3	Học phần **Doanh nghiệp - Văn hóa và Truyền thông** là môn học thuộc khối kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành TV&VHVN. Học phần này gồm hai nội dung chính là: văn hóa doanh nghiệp và truyền thông doanh nghiệp. Cụ thể, nội dung văn hóa doanh nghiệp: Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp; tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp; các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá doanh nghiệp; các thành tố tạo nên văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học nắm bắt được các mô hình văn hóa doanh nghiệp phổ biến hiện nay, từ đó nâng cao hiểu biết về việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp cần như thế nào và làm thế nào để duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp...; Còn nội dung truyền thông doanh nghiệp: Các bài giảng cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về truyền thông nói chung và truyền thông doanh nghiệp nói riêng; vai trò và mục tiêu của truyền thông doanh nghiệp; các dạng thức truyền thông doanh nghiệp như: truyền thông nội bộ, truyền thông bên ngoài, truyền thông marketing. Cùng với đó, cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc xây dựng chiến lược truyền thông doanh

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			nghiệp và tiến trình thực hiện truyền thông doanh nghiệp. Đặc biệt, qua các bài giảng sinh viên nắm bắt được các điều kiện - kỹ năng thực hiện truyền thông doanh nghiệp như: xây dựng kế hoạch truyền thông, tổ chức sự kiện; ứng dụng, sử dụng các nền tảng truyền thông doanh nghiệp; xử lý khủng hoảng truyền thông...
40	Tổ chức sự kiện	3	Học phần **Tổ chức sự kiện** mô tả khái niệm, phân loại, mục đích yêu cầu, ý nghĩa của sự kiện và hoạt động Tổ chức sự kiện. Nội dung chính của học phần đề cập tới quy trình tổ chức sự kiện theo từng giai đoạn, công tác hoạch định sự kiện, lập kế hoạch để triển khai, công tác chuẩn bị cho sự kiện, tiến hành tổ chức và điều hành sự kiện, dự kiến những rủi ro có thể xảy ra và phương án giải quyết nhằm nâng cao chất lượng tổ chức sự kiện.
41	Báo chí đa phương tiện	3	Học phần giúp người học hiểu những kiến thức cơ bản về **báo chí đa phương tiện**, bao gồm hiểu về lịch sử hình thành, khái niệm, vai trò, đặc trưng... Bên cạnh đó, người học nắm rõ hơn về mô hình bộ máy toàn soạn báo chí đa phương tiện cũng như quy trình sản xuất báo chí đa phương tiện... Môn học sẽ cung cấp cho người học các kỹ năng và kiến thức về sản xuất và biên tập báo chí đa phương tiện.
42	Ngữ âm học tiếng Việt		Học phần **Ngữ âm học tiếng Việt** thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành TV&VHVN. Học phần này gồm các nội dung được biên soạn đan xen vào nhau theo nguyên tắc: khái quát về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về: khái niệm âm tố, âm vị, âm tiết tiếng Việt; cấu trúc âm tiết tiếng Việt; hệ thống âm vị tiếng Việt. Người học có kỹ năng sử dụng tiếng Việt đúng quy chuẩn về ngữ âm, có ý thức chỉnh sửa các lỗi về ngữ âm khi sử dụng tiếng Việt. Người học được trang bị kỹ năng và vận dụng được kiến thức để học ở bậc học cao hơn thuộc chuyên ngành phù hợp. Ngoài ra, người học có thể vận dụng hệ thống lý thuyết đã học để tiếp cận, trình bày

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			các vấn đề về các vấn đề liên quan đến ngữ âm tiếng Việt một cách logic và chuyên nghiệp. Đồng thời, học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tính sáng tạo, chủ động và cập nhật kiến thức và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
43	Ngữ dụng học tiếng Việt		Nội dung học phần **Ngữ dụng học tiếng Việt** cung cấp cho sinh viên kiến thức về vị trí và vai trò của nghiên cứu dụng học. Từ việc xác định đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của ngữ dụng học sinh viên được trang bị các nội dung về giao tiếp ngôn ngữ và các nhân tố tham gia vào quá trình giao tiếp. Ở cấp độ nâng cao, học phần sẽ đi vào từng vấn đề cụ thể của nghiên cứu ngữ dụng để trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích dụng học như: việc xác định và xây dựng các biểu thức quy chiếu, việc tổ chức các thông tin hàm ẩn trong phát ngôn. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên có thể tìm hiểu và nắm bắt các nguyên tắc trong giao tiếp, trong lập luận, xem xét cách thức thực hiện các hành vi khác nhau bằng ngôn ngữ... để có kiến thức vận dụng trong học tập và ngành nghề có liên quan sau này.
44	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	3	Học phần **Phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ** thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành TV&VHVN. Học phần này gồm các nội dung được biên soạn đan xen vào nhau theo nguyên tắc: khái quát về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp: kĩ thuật giảng dạy các kĩ năng ngôn ngữ (nói, nghe, đọc, viết); kĩ thuật giảng dạy các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng tiếng Việt); cách thức biên soạn bài giảng thực hành tiếng tích hợp kĩ năng và kiến thức; kĩ thuật kiểm tra đánh giá. Người học được trang bị kỹ năng ứng xử phù hợp với văn hóa Việt Nam và vận dụng được kiến thức để học ở bậc học cao hơn thuộc chuyên

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
			ngành phù hợp. Ngoài ra, người học có thể vận dụng hệ thống lý thuyết đã học để tiếp cận, trình bày các vấn đề về các vấn đề liên quan đến TV&VHVN một cách logic và chuyên nghiệp. Đồng thời, học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tính sáng tạo, chủ động và cập nhật kiến thức và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
45	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	3	Học phần **Nghiệp vụ thư ký văn phòng** thuộc khối kiến thức chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành TV & VHVN. Đây là một trong hai học phần được sinh viên lựa chọn học thay thế cho chuyên đề tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về công tác thư ký văn phòng trong cơ quan tổ chức, lên lịch trình kế hoạch, lên dự toán chi phí hoạt động, các công việc tổ chức chương trình cũng như công tác tổ chức thực hiện và điều hành các hoạt động trong cơ quan văn phòng. Từ đó, sinh viên có các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong quản lý và điều hành các chương trình tương tự, xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng thành thạo… Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan về chất lượng các công việc trong cơ quan tổ chức và một số chỉ tiêu đánh giá. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức được trang bị vào thực tế hoạt động kinh doanh của các công ty tổ chức sự kiện, du lịch, lữ hành quy mô nhỏ. Đồng thời, học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tính sáng tạo, chủ động và cập nhật kiến thức và thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
46	Văn hóa giao tiếp	3	Học phần **Văn hóa giao tiếp** cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn hóa giao tiếp, kiến thức tác nghiệp lễ tân, phân biệt được giữa lễ tân ngoại giao, lễ tân kinh doanh... Bước đầu sinh viên hình thành nghệ thuật trong giao tiếp xã hội và giao tiếp văn phòng. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết sau khi ra trường để thực hiện công việc lễ tân trong các cơ quan, tổ chức.

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
47	Kỹ năng học tập đại học	3	Học phần **Kỹ năng học tập đại học** hỗ trợ người học thiết lập mục tiêu, quản lý thời gian, đọc học thuật, ghi chép, tìm kiếm và đánh giá nguồn tin, viết và trình bày học thuật. Nội dung rèn luyện tự học, làm việc nhóm, phản tư, quản lý căng thẳng, sử dụng dịch vụ hỗ trợ và xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân.
48	Thực tập tốt nghiệp	4	**Thực tập tốt nghiệp** là học phần thuộc chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo của ngành TV và VHVN. Sinh viên được hướng dẫn học tập, thực hành tại các đơn vị thực tế. Sinh viên có thể được tham gia tổ chức hoạt động giáo dục trong trường, thực hành kỹ năng quản lý lớp, giao tiếp sư phạm, thực hành kỹ năng soạn bài giảng, giảng dạy tiếng Việt. Sinh viên mong muốn làm việc trong lĩnh vực văn hóa, truyền thông du lịch sẽ thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan báo đài, nhà xuất bản, đơn vị sản xuất và quản lý văn hoá nghệ thuật. Tại đơn vị thực tập, sinh viên sẽ tham gia thực hiện các nhiệm vụ liên quan nghề nghiệp được đào tạo: viết bài PR và biên tập nội dung quảng cáo, xây dựng ý tưởng PR, viết nội dung website, các khâu trong quá trình tổ chức sự kiện, biên tập, viết các thể loại văn bản thông thướng, tạo sản phẩm truyền thông.
49	Khóa luận tốt nghiệp (**)	8	**Khóa luận tốt nghiệp** là học phần thuộc chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của tất cả các ngành. Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp trong suốt quá trình học tập, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên được thực hiện một đề tài khoa học (khóa luận) về lĩnh vực được đào tạo, theo sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên hoàn thành khoá luận tốt nghiệp về một đề tài nhất định thuộc chuyên ngành tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam. Kết quả khóa luận sẽ được đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn.
50	Thiết kế bài giảng tiếng Việt cho	4	**Thiết kế bài giảng tiếng Việt cho người nước ngoài** là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu của ngành Tiếng Việt và VHVN. Học phần nhằm phát triển năng lực thiết kế thực tiễn để có thể lập kế hoạch và vận hành chương trình

TT	Tên môn học /học phần	TC	Nội dung
	người nước ngoài*		giảng dạy tiếng Việt một cách có hệ thống dựa trên các nguyên lý cơ bản của chương trình đào tạo như xác định mục tiêu, lựa chọn và sắp xếp nội dung giảng dạy; sinh viên sẽ được học một cách có hệ thống toàn bộ quy trình từ phân tích nhu cầu người học, xây dựng đề cương giảng dạy, thiết kế kế hoạch giảng dạy, thực hành giảng dạy đến đánh giá. Đặc biệt, thông qua việc rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch bài giảng theo từng buổi học và sử dụng hiệu quả các phương tiện, học liệu giảng dạy, sinh viên có thể đề xuất các chương trình phù hợp với nhiều môi trường giáo dục và đối tượng học khác nhau. Qua đó hình thành năng lực thiết kế bài giảng chuyên nghiệp.
51	Thiết kế chương trình trải nghiệm văn hóa Việt Nam*	4	Học phần **Thiết kế chương trình trải nghiệm văn hóa Việt Nam** thuộc khối kiến thức chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành TV & VHVN. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quy trình thiết kế chương trình trải nghiệm văn hóa Việt Nam, lên lịch trình trải nghiệm, lên dự toán chi phí chuyến đi, các công việc tổ chức chương trình cũng như công tác tổ chức thực hiện và điều hành các hoạt động trải nghiệm. Từ đó, sinh viên có các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong quản lý và điều hành các chương trình tương tự, xây dựng tour du lịch.... Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan về chất lượng các chương trình trải nghiệm văn hóa và một số chỉ tiêu đánh giá. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức được trang bị vào thực tế hoạt động kinh doanh của các công ty tổ chức sự kiện, du lịch, lữ hành quy mô nhỏ. Đồng thời, học phần cũng chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên tính sáng tạo, chủ động và cập nhật kiến thức và thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 15/12/2025

DUYỆT **Q. HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG **PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương**	**TRƯỞNG KHOA** **PGS.TS. VŨ KIM BẢNG**